

NÂNG CAO KỸ NĂNG ĐỌC HIỂU TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT CÁC NGÀNH KỸ THUẬT TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

TẠ THỊ HẢI VÂN
VŨ THỊ MAI QUẾ
TỪ THỊ THU MAI
ĐẶNG THÙY LINH
Trường Đại học Mở Hà Nội

Nhận bài ngày 15/8/2026. Sửa chữa xong 16/9/2026. Duyệt đăng 26/9/2026.

Abstract

Basic English reading comprehension serves as an essential foundation enabling first-year engineering students at Hanoi Open University to effectively access modern scientific and technological materials. Employing a mixed-methods design, this study examines students' reading proficiency, processing habits, primary language barriers, and technological tendencies. Findings indicate that most students exhibit limited reading competence, primarily hindered by deficient foundational vocabulary, difficulty handling complex sentences, and a persistent habit of word-by-word translation reliant on automated tools. Concurrently, the study highlights students' proactive adoption of Artificial Intelligence (AI) for vocabulary lookup and syntactic clarification. Consequently, pedagogical solutions emphasizing active reading strategies combined with guided AI utilization are proposed to foster learners' sustainable autonomous learning capabilities.

Keywords: Reading comprehension skills, general English, language barriers, engineering students, Hanoi Open University, Artificial Intelligence (AI).

1. Đặt vấn đề

Trong kỷ nguyên hội nhập và chuyển đổi số giáo dục, kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh cơ bản đóng vai trò then chốt giúp sinh viên (SV) đại học tiếp cận tri thức nhân loại, khai thác học liệu và bồi đắp năng lực tự học suốt đời (Anderson, 2003; Grabe, 2009). Đặc biệt ở giai đoạn chuyển tiếp từ trung học phổ thông lên đại học, khả năng tiếp nhận văn bản trôi chảy là điều kiện tiên quyết để thích ứng hiệu quả với môi trường học tập mới (Channa et al., 2018; Khellab, 2022). Việc nâng cao năng lực ngoại ngữ và kỹ năng số cho người học cũng hoàn toàn bám sát các định hướng lớn của Đảng và Nhà nước, tiêu biểu là Nghị quyết số 29-NQ/TW, Văn kiện Đại hội Đảng XIII, XIV, Đề án ngoại ngữ quốc gia giai đoạn 2025-2035 cùng Nghị quyết số 57-NQ/TW và số 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục, khoa học công nghệ.

Trường Đại học Mở Hà Nội là cơ sở giáo dục đại học định hướng mở và ứng dụng công nghệ mạnh mẽ (Tạ Thị Hải Vân và cộng sự, 2024), nhà trường xác định Tiếng Anh cơ bản là học phần bắt buộc tạo nền tảng ngôn ngữ chung cho SV năm thứ nhất. Tuy nhiên, thực tế giảng dạy cho thấy SV khối kỹ thuật vẫn đối mặt với nhiều rào cản lớn: đầu vào không đồng đều, thiếu hụt từ vựng, lúng túng trước câu phức và duy trì thói quen đọc dịch cơ học từng từ (Dương Thị Huyền, Phạm Thị Thanh, 2022; Nguyễn Thị Lan, Trần Thị Thanh Xuân, 2023). Sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo (AI) vừa mở ra cơ hội cá nhân hóa việc học, vừa tiềm ẩn nguy cơ gây thụ động, phụ thuộc vào công nghệ (Trần Thanh Vân, 2025). Xuất phát từ bối cảnh đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá toàn diện thực trạng, nhận diện rào cản cốt lõi và đề xuất hệ thống giải pháp tích hợp giữa rèn luyện chiến lược đọc chủ động với khai thác AI có phương pháp cho SV năm thứ nhất tại Trường Đại học Mở Hà Nội.

Email: haivan8989@hou.edu.vn

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng thiết kế hỗn hợp (Mixed-methods Design) kết hợp chặt chẽ giữa điều tra khảo sát định lượng trên diện rộng và thu thập dữ liệu định tính chuyên sâu. Cách tiếp cận này giúp vừa bao quát được bức tranh thực trạng trên quy mô lớn, vừa đi sâu phân tích, lý giải bản chất của các rào cản ngôn ngữ và thói quen học tập của SV. Mẫu nghiên cứu bao gồm 200 SV năm thứ nhất thuộc Khoa Công nghệ thông tin (55,0%, 110 SV) và Khoa Điện - Điện tử (45,0%, 90 SV) tại Trường Đại học Mở Hà Nội. Đây là nhóm đối tượng đang trong giai đoạn bản lề chuyển tiếp từ bậc học phổ thông lên đại học, bắt đầu tiếp cận với chương trình tiếng Anh cơ bản theo chuẩn đầu ra của nhà trường.

Công cụ thu thập dữ liệu định lượng là Bảng hỏi khảo sát chuẩn hóa gồm 34 câu hỏi, được thiết kế bám sát các khung lý thuyết đọc hiểu hiện đại và chia làm 7 phần trọng tâm: 1) Thông tin chung về nhân khẩu học và nền tảng ngoại ngữ đầu vào; 2) Thực trạng và thói quen tiếp cận bài đọc tiếng Anh ngoài giờ học; 3) Đánh giá mức độ thuần thục 9 kỹ năng đọc hiểu thành phần theo thang đo Likert 5 mức độ (từ 1 - Rất yếu đến 5 - Tốt); 4) Các nhóm khó khăn và yếu tố tác động tiêu cực đến quá trình đọc; 5) Thái độ, nhận thức và động lực học tập của người học; 6) Xu hướng và các hình thức ứng dụng công nghệ, AI trong xử lý văn bản; 7) Nhu cầu hỗ trợ sư phạm và các giải pháp đề xuất từ phía SV.

Vi vậy, để gia tăng chiều sâu cho các phát hiện thực nghiệm, nghiên cứu tiến hành thu thập dữ liệu định tính thông qua phỏng vấn bán cấu trúc đối với đại diện SV ở các mức độ năng lực khác nhau và giảng viên (GV) trực tiếp giảng dạy Tiếng Anh cho khối ngành kỹ thuật. Nội dung phỏng vấn tập trung làm rõ những nguyên nhân cốt lõi dẫn đến tình trạng đọc dịch cơ học, cảm nhận về áp lực khi gặp câu phức cũng như cách thức SV tương tác thực tế với các công cụ AI như ChatGPT, Gemini khi tra cứu từ vựng và tóm tắt bài đọc.

Toàn bộ dữ liệu định lượng sau khi thu thập được tiến hành làm sạch, mã hóa và xử lý bằng phần mềm thống kê chuyên dụng. Các chỉ số thống kê mô tả được áp dụng bao gồm: tính toán tần số, tỷ lệ phần trăm để đánh giá cơ cấu mẫu và mức độ phổ biến của các rào cản; tính toán điểm trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC) nhằm định vị chính xác mức độ thuần thục từng kỹ năng thành phần. Dữ liệu định tính từ các buổi phỏng vấn được phân tích theo chủ đề, đóng vai trò đối sánh và bổ trợ đặc lực nhằm làm sáng tỏ các số liệu định lượng, bảo đảm tính khách quan, khoa học và độ tin cậy cao cho toàn bộ kết quả nghiên cứu.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Khó khăn của sinh viên và vai trò của trí tuệ nhân tạo

Thực tiễn cho thấy rào cản lớn nhất của SV năm thứ nhất là sự hạn chế về vốn từ vựng nền tảng, thiếu kiến thức nền và thói quen đọc dịch từng từ sang tiếng Việt (word-by-word) (Dương Thị Huyền, Phạm Thị Thanh, 2022; Hoàng Thị Thu, Phùng Thị Thu Hà, 2019; Nguyễn Thị Lan, Trần Thị Thanh Xuân, 2023). Thói quen này gây quá tải bộ nhớ làm việc (working memory), làm chậm tốc độ đọc và triệt tiêu khả năng nắm bắt ý tưởng bao quát, nhất là khi đối diện với các cấu trúc câu dài, phức hợp. Sự phụ thuộc vào các công cụ dịch máy nguyên văn càng khiến người học thụ động, mất dần phản xạ suy đoán ngữ cảnh.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, AI đóng vai trò như một trợ lý học tập cá nhân hóa giúp giải nghĩa từ vựng theo ngữ cảnh, bóc tách cú pháp câu phức và tóm tắt nội dung văn bản (Asmayani et al., 2024; Huang & Li, 2023; Huszti et al., 2025; Trần Thanh Vân, 2025). Tuy nhiên, nếu thiếu định hướng sư phạm, SV rất dễ lạm dụng AI như công cụ làm bài hộ. Việc hướng dẫn người học thiết kế câu lệnh (prompts) để biến AI thành công cụ khơi gợi tư duy là yêu cầu then chốt. Tại Trường Đại học Mở Hà Nội, các nghiên cứu ứng dụng công nghệ của đội ngũ GV (Tạ Thị Hải Vân và cộng sự, 2024) đã tạo cơ sở thực tiễn quan trọng, khẳng định rằng kết hợp chiến lược đọc chủ động với khai thác AI có phương pháp chính là chìa khóa tháo gỡ rào cản ngôn ngữ và phát triển năng lực tự học cho SV.

3.2. Kết quả nghiên cứu

3.2.1. Thông tin mẫu khảo sát và nền tảng ngoại ngữ đầu vào (N = 200)

Kết quả thống kê mẫu khảo sát cho thấy trong tổng số 200 SV tham gia, nam giới chiếm 68,0% (n = 136) và nữ giới chiếm 32,0% (n = 64). Về nền tảng ngoại ngữ đầu vào có tới 74,0% (n = 148) SV chưa từng đạt chứng chỉ tiếng Anh quốc tế hoặc quốc gia nào. Điểm học phần Tiếng Anh gần nhất của SV tập trung chủ yếu ở mức trung bình và trung bình yếu (43,0% đạt từ 5,0-6,4 và 14,0% đạt dưới 5,0). Đáng chú ý, 39,0% SV chỉ dành dưới 2 giờ/tuần để tự học tiếng Anh và 42,0% dành từ 2-5 giờ/tuần.

Bảng 1: Cơ cấu mẫu khảo sát và nền tảng ngoại ngữ đầu vào của SV năm thứ nhất

Chỉ tiêu phân tích mẫu khảo sát	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Giới tính: Nam / Nữ	136 / 64	68,0% / 32,0%
Số năm học tiếng Anh ở phổ thông: 8 - 10 năm	94	47,0%
Chứng chỉ tiếng Anh: Chưa có chứng chỉ	148	74,0%
Điểm học phần tiếng Anh gần nhất: 5,0 - 6,4	86	43,0%
Thời gian tự học tiếng Anh trung bình: < 2 giờ/tuần	78	39,0%

3.2.2. Về năng lực đọc hiểu tiếng Anh cơ bản và đánh giá kỹ năng thành phần

Kết quả khảo sát thực trạng cho thấy 43,0% SV tự đánh giá năng lực đọc hiểu tiếng Anh cơ bản ở mức Yếu hoặc Rất yếu (11,0% Rất yếu, 32,0% Yếu); 41,0% đánh giá ở mức Trung bình và chỉ 16,0% đánh giá ở mức Khá/Tốt. Khi làm bài đọc tiếng Anh cơ bản, 71,0% SV cho biết chỉ hiểu dưới 50% nội dung bài đọc (27,0% hiểu dưới 30% và 44,0% hiểu từ 30-50%). Về tần suất đọc tài liệu ngoài giờ học, có tới 52,0% SV ít khi hoặc hầu như không đọc. Phân tích bảng 2 về điểm trung bình (ĐTB) các kỹ năng đọc hiểu thành phần (thang Likert 1-5) chỉ ra rằng kỹ năng đọc hiểu không cần dịch từng từ sang tiếng Việt đạt điểm thấp nhất (ĐTB = 2,31; ĐLC = 1,00), tiếp theo là hiểu câu có cấu trúc ngữ pháp phức tạp (ĐTB = 2,43) và suy luận nội dung không trực tiếp (ĐTB = 2,52). Ngược lại, kỹ năng Scanning tìm thông tin cụ thể đạt điểm cao nhất (ĐTB = 3,19).

Khoảng cách chênh lệch rõ rệt giữa các chỉ số nêu trên phản ánh một nghịch lý sâu sắc trong tiến trình nhận thức của SV năm thứ nhất. Kỹ năng tìm kiếm dữ liệu cụ thể (Scanning) đạt mức điểm cao nhất trong thang đo chứng tỏ người học chỉ mới thuần thục các thao tác đối chiếu cơ học trên bề mặt chữ nghĩa: đối chiếu từ khóa trong câu hỏi với văn bản để dò tìm con số, thời gian, tên riêng hoặc thuật ngữ trực quan. Trong khi đó, toàn bộ các kỹ năng đòi hỏi tư duy nhận thức bậc cao đều rơi vào ngưỡng trung bình thấp hoặc yếu. Việc kỹ năng đọc hiểu trực tiếp không qua chuyển ngữ tiếng Việt (ĐTB = 2,31) và khả năng suy luận nội dung gián tiếp (ĐTB = 2,52) đạt điểm thấp phản ánh người học gần như chưa thể kiến tạo được bức tranh ý nghĩa hoàn chỉnh của văn bản nếu thiếu đi bước đệm chuyển ngữ thô. Đáng chú ý, việc có tới 71,0% SV chỉ hiểu được dưới một nửa nội dung bài đọc không đơn thuần bắt nguồn từ năng lực ngôn ngữ hạn chế mà là hệ quả trực tiếp của vòng lặp tâm lý tiêu cực. Sự lúng túng trước các cấu trúc ngữ pháp phức tạp (ĐTB = 2,43) kết hợp với vốn từ vựng nền tảng còn mỏng khiến quá trình tiếp nhận bị ngắt quãng liên tục, tạo ra cảm giác quá tải và chán nản. Hệ quả là hơn một nửa SV (52,0%) hình thành thói quen né tránh, ít khi hoặc hầu như không chủ động tiếp cận các bài đọc tiếng Anh ngoài giờ lên lớp. Quỹ thời gian tự học bị thu hẹp lại càng làm chậm quá trình tích lũy từ vựng tự nhiên, biến đọc hiểu trở thành một môn học đối phó thay vì một công cụ tiếp nhận tri thức độc lập. Điều này khẳng định tính cấp thiết của việc phải can thiệp bằng các phương pháp sư phạm có hệ thống giúp SV từng bước vượt qua các điểm nghẽn nhận thức này.

Bảng 2: Điểm trung bình các kỹ năng đọc hiểu thành phần của SV

STT	Nội dung kỹ năng đọc hiểu thành phần đánh giá	ĐTB	ĐLC
1	Tìm thông tin cụ thể trong bài đọc (Scanning)	3,19	0,96
2	Xác định ý chính của bài đọc (Main idea)	3,01	0,97
3	Nhận biết mối liên hệ giữa các ý trong đoạn văn	2,78	0,95

4	Lựa chọn cách đọc phù hợp với mục đích	2,76	0,98
5	Tóm tắt nội dung chính sau khi đọc	2,69	0,97
6	Đoán nghĩa của từ mới dựa vào ngữ cảnh	2,66	1,00
7	Suy luận nội dung không trực tiếp (Inference)	2,52	0,97
8	Hiểu các câu có cấu trúc ngữ pháp phức tạp	2,43	0,98
9	Đọc hiểu không cần dịch từng từ sang tiếng Việt	2,31	1,00

3.2.3. Phân tích rào cản cốt lõi và ứng dụng trí tuệ nhân tạo

Kết quả điều tra thực nghiệm đã bóc tách rõ nét những trở ngại căn bản khiến SV năm thứ nhất khối ngành Kỹ thuật gặp nhiều bế tắc khi tiếp cận các bài đọc tiếng Anh cơ bản. Trong số các nhân tố được khảo sát, sự thiếu hụt vốn từ vựng nền tảng nổi lên như một rào cản lớn nhất được 84,0% SV xác nhận là nguyên nhân chính gây cản trở khả năng tiếp thu văn bản. Khi vốn từ vựng hạn chế, người học không thể hình thành phản xạ nhận diện ngữ nghĩa trực tiếp, từ đó biến quá trình tiếp nhận thông tin thành một chuỗi các thao tác tra cứu cơ học, ngắt quãng và gây ức chế tâm lý.

Bên cạnh áp lực về từ vựng, mức độ phức tạp của câu văn cũng là một điểm nghẽn nghiêm trọng khi có tới 73,0% SV gặp khó khăn trước các câu dài, câu phức hợp và 67,0% lúng túng trước các hiện tượng ngữ pháp tầng nấc. Do thói quen học tập ở bậc phổ thông chủ yếu tập trung vào việc giải các bài tập ngữ pháp đơn lẻ, SV thường bị quá tải nhận thức khi bước vào các văn bản hoàn chỉnh chứa nhiều cấu trúc mệnh đề quan hệ lồng ghép, cấu trúc rút gọn hay các thể bị động phức. Tình trạng này kéo theo hệ quả là 56,0% người học thừa nhận tốc độ đọc của bản thân quá chậm và 52,0% hoàn toàn lúng túng vì chưa từng được trang bị hoặc chưa biết cách vận dụng các chiến lược đọc hiểu phù hợp với từng mục đích cụ thể.

Đi sâu vào phân tích hành vi và thói quen xử lý bài đọc, dữ liệu cho thấy phần lớn SV vẫn bị trói buộc trong lối tư duy tiếp nhận thụ động. Đáng chú ý, có tới 61,0% SV duy trì thói quen đọc tuần tự từng chữ và dịch toàn bộ văn bản sang tiếng Việt. Lối đọc dịch thô này không chỉ mất nhiều thời gian mà còn làm mất đi tính chỉnh thể của văn bản, khiến người đọc dễ sa đà vào các chi tiết vụn vặt mà bỏ quên ý đồ khái quát của tác giả. Thói quen này gắn liền với mức độ phụ thuộc lớn vào công nghệ hỗ trợ dịch thuật tự động: 86,0% SV cho biết thường xuyên sử dụng Google Translate trong học tập, trong đó 58,0% duy trì phản xạ phụ thuộc trực tiếp vào công cụ này mỗi khi đối diện với các bài đọc dài hoặc có cấu trúc khó. Chính việc lạm dụng các giải pháp chuyển ngữ cơ học đã hình thành sự ỷ lại, triệt tiêu tính chủ động phán đoán ngữ cảnh và làm giảm đáng kể khả năng ghi nhớ từ vựng tự nhiên của người học dù hiện nay một bộ phận SV đã bước đầu tiếp cận thêm các công cụ công nghệ thông minh để hỗ trợ giải nghĩa từ và tóm tắt ý chính, song thực tiễn phản ánh rằng chừng nào SV chưa thoát khỏi thói quen đọc dịch từng câu và chưa được bồi đắp vốn từ vựng cùng cấu trúc ngữ pháp nền tảng, thì năng lực đọc hiểu độc lập vẫn là một thử thách rất lớn.

4. Kết luận và kiến nghị

4.1. Kết luận

Nghiên cứu khảo sát thực nghiệm trên mẫu SV năm thứ nhất khối ngành Kỹ thuật tại Trường Đại học Mở Hà Nội đã phác họa một bức tranh toàn diện và sâu sắc về thực trạng năng lực, thói quen xử lý cùng các rào cản cốt lõi trong kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh cơ bản. Dù phần lớn SV đều nhận thức rõ ràng tầm quan trọng sống còn của ngoại ngữ đối với việc tiếp cận kho tàng tri thức khoa học và cơ hội nghề nghiệp tương lai, song năng lực đọc hiểu trên thực tế vẫn còn bộc lộ nhiều khoảng trống đáng lo ngại. Điểm nghẽn nhận thức lớn nhất xuất phát từ sự thiếu hụt vốn từ vựng nền tảng, sự lúng túng trước các cấu trúc câu phức tầng nấc cùng thói quen đọc dịch cơ học từng từ và sự phụ thuộc thụ động vào các phần mềm chuyển ngữ tự động. Những hạn chế này không chỉ làm giảm sút tốc độ tiếp nhận thông tin mà còn triệt tiêu tính chủ động trong tư duy ngôn ngữ của người học.

Bên cạnh các thách thức, kết quả khảo sát cũng mang lại những tín hiệu hết sức khả quan khi ghi nhận sự chủ động, cởi mở của SV trong việc tiếp cận và ứng dụng các công cụ AI vào hỗ trợ đọc hiểu. Đây chính là đòn bẩy thực tiễn quan trọng để nhà trường và đội ngũ GV định hình lại phương thức tiếp cận sư phạm trong kỷ nguyên số. Việc triển khai đồng bộ hệ thống 4 nhóm giải pháp ưu tiên từ việc tích hợp hướng dẫn khai thác AI đúng phương pháp, huấn luyện bài bản các chiến lược đọc chủ động (Skimming, Scanning, sơ đồ tư duy) đến xây dựng hệ thống học liệu số phân tầng và nuôi dưỡng môi trường tự học bền vững sẽ tạo nền tảng vững chắc giúp SV từng bước vượt qua rào cản ngôn ngữ. Điều này không chỉ góp phần nâng cao năng lực đọc hiểu tiếng Anh cơ bản một cách thực chất mà còn trang bị cho SV kỹ thuật tư duy tự chủ, tạo tiền đề vững vàng để tự tin tiếp cận các học phần chuyên ngành và chủ động hội nhập vào thị trường lao động toàn cầu.

4.2. Kiến nghị

Dựa trên kết quả phân tích số liệu thực trạng về các rào cản ngôn ngữ, thói quen tiếp cận văn bản cùng nguyện vọng thực tế của người học, nghiên cứu đề xuất hệ thống 4 nhóm giải pháp sư phạm mang tính đồng bộ và khả thi nhằm từng bước tháo gỡ điểm nghẽn, nâng cao năng lực đọc hiểu tiếng Anh cơ bản cho SV năm thứ nhất:

4.2.1. Tích hợp hướng dẫn khai thác các công cụ AI đúng phương pháp kết hợp mở rộng vốn từ vựng nền tảng vào chương trình giảng dạy chính khóa

Đây là nhóm giải pháp nhận được mức độ quan tâm và ưu tiên cao nhất từ phía SV (chiếm 42,5% lựa chọn hàng đầu). Trước làn sóng chuyển đổi số mạnh mẽ, thay vì áp dụng các biện pháp ngăn cấm thụ động hoặc để người học sử dụng công nghệ một cách tự phát, GV cần chủ động đưa nội dung hướng dẫn khai thác AI có phương pháp vào tiến trình bài dạy. Trọng tâm của giải pháp này là trang bị cho SV kỹ năng thiết kế câu lệnh chuyên biệt phục vụ việc tiếp nhận ngôn ngữ. Người học được hướng dẫn cách điều hướng AI đóng vai trò như một trợ giảng ảo: yêu cầu AI giải thích tường minh ngữ nghĩa của từ vựng theo ngữ cảnh cụ thể của bài đọc, cung cấp mạng lưới họ từ, các kết hợp từ tự nhiên, từ đồng nghĩa và trái nghĩa kèm theo ví dụ minh họa sinh động. Đặc biệt, đối với các câu văn dài có cấu trúc phức hợp gây cản trở quá trình hiểu, SV được rèn luyện kỹ năng yêu cầu AI phân tách câu thành các mệnh đề cơ bản, giải thích rõ chức năng ngữ pháp của từng thành phần cú pháp. Phương thức này giúp người học tự lực giải mã và nắm bắt cấu trúc ý nghĩa của câu văn, từ đó từng bước loại bỏ thói quen lạm dụng AI để dịch sẵn toàn bộ văn bản sang tiếng Việt một cách thụ động.

4.2.2. Đào tạo tường minh và rèn luyện có hệ thống các chiến lược đọc hiểu chủ động nhằm xóa bỏ thói quen đọc dịch cơ học từng từ

Đây là giải pháp then chốt được 31,0% SV xếp ở vị trí ưu tiên số một. Bộ môn cần tái cấu trúc giờ học theo hướng chuyển dịch từ việc giải thích ngữ pháp và sửa bài tập đơn thuần sang việc huấn luyện các kỹ thuật tiếp nhận thông tin chủ động. Trong đó, SV cần được rèn luyện thuần thục hai kỹ thuật đọc chiến lược cốt lõi: đọc lướt để nắm bắt ý chính, cấu trúc đoạn và thông điệp bao quát cùng với đọc quét nhằm định vị và truy xuất nhanh chóng các dữ kiện cụ thể dưới áp lực thời gian quy định, qua đó từng bước phá vỡ quán tính dừng lại tra cứu từng chữ riêng lẻ. Đi liền với đó, tiến trình bài đọc trên lớp cần được tổ chức nghiêm ngặt theo quy trình 3 giai đoạn: giai đoạn Trước khi đọc tập trung kích hoạt kiến thức nền, định hướng từ khóa then chốt và gợi mở dự đoán nội dung qua tiêu đề, hình ảnh; giai đoạn Trong khi đọc hướng dẫn SV áp dụng các dấu mối ngữ cảnh để suy đoán nghĩa từ mới và kiểm tra các phán đoán ban đầu; giai đoạn Sau khi đọc tạo không gian để người học củng cố và đào sâu tri thức. Việc lồng ghép kỹ thuật vẽ sơ đồ tư duy ở giai đoạn sau khi đọc sẽ giúp SV trực quan hóa mạch logic của bài viết, hệ thống hóa mối liên hệ giữa các luận điểm và khắc sâu từ vựng vào trí nhớ dài hạn một cách tự nhiên.

4.2.3. Xây dựng và chuẩn hóa ngân hàng tài liệu đọc hiểu số hóa với hệ thống ngữ liệu thực tế có độ khó phân tầng

Giải pháp này nhận được 26,5% sự đồng thuận ưu tiên từ SV tham gia khảo sát. Để đáp ứng đặc

điểm trình độ đầu vào còn nhiều chênh lệch của SV năm thứ nhất khối ngành Kỹ thuật, khoa và tổ bộ môn cần phối hợp biên soạn kho học liệu số bổ trợ trên nền tảng quản lý học tập trực tuyến. Các văn bản đọc cần được tuyển chọn từ các nguồn tài liệu thực tế, phong phú về chủ đề xã hội, văn hóa, khoa học đời sống gần gũi, đồng thời được sắp xếp khoa học theo thang độ khó tăng dần (từ cấp độ A2 chuyển tiếp vững chắc lên B1). Cấu trúc phân tầng này tạo điều kiện để SV tích lũy sự tự tin và tiến bộ dần qua từng chặng đường học tập. Điểm nhấn quan trọng trong thiết kế tài liệu là mỗi bài đọc cần được tích hợp sẵn một bảng giải nghĩa thuật ngữ và từ vựng cốt lõi ở phần mở đầu, bao gồm định nghĩa đơn giản bằng tiếng Anh, phiên âm quốc tế chuẩn xác, câu ví dụ mẫu và hình ảnh trực quan minh họa. Bảng chỉ dẫn này đóng vai trò như một giàn giáo ngôn ngữ vững chắc, giúp giảm tải áp lực nhận thức và chuẩn bị tâm thế tiếp nhận tốt nhất cho SV trước khi bước vào xử lý toàn văn bản.

4.2.4. Mở rộng không gian trải nghiệm ngoại ngữ và phát triển môi trường tự học bền vững ngoài giờ lên lớp

Do thời lượng dành cho các học phần ngoại ngữ trên giảng đường đại học luôn bị giới hạn, việc duy trì động lực và phản xạ ngôn ngữ phụ thuộc rất lớn vào môi trường tự rèn luyện bên ngoài lớp học. Điều này đòi hỏi nhà trường và các tổ chức đoàn thể cần tăng cường xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ học tập thông qua việc tổ chức các câu lạc bộ tiếng Anh định kỳ, tạo diễn đàn giao lưu học thuật cởi mở, thân thiện nhằm giảm bớt rào cản tâm lý e ngại, sợ sai của SV kỹ thuật. Song song với đó, việc tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề, tọa đàm định hướng phương pháp học tập độc lập sẽ trang bị cho người học những kỹ năng thực tế: cách xây dựng kế hoạch tự học khả thi, phương pháp lựa chọn tài liệu đọc phù hợp với năng lực cá nhân, cùng thói quen sử dụng sổ tay từ vựng số để tự theo dõi tiến độ tích lũy hàng ngày. Môi trường trải nghiệm tích cực này sẽ đóng vai trò chất xúc tác quan trọng, thúc đẩy tính tự giác và nuôi dưỡng động lực nội tại, giúp kỹ năng đọc hiểu thực sự trở thành một thói quen tự học suốt đời của mỗi SV.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi đề tài cấp trường, Trường Đại học Mở Hà Nội, mã số MHN2026-03.72.

Tài liệu tham khảo

- Anderson, N. (2003). *Active skills for reading*. Thomson Heinle.
- Asmayani, et al. (2024). Technological tools in second language vocabulary acquisition. *Journal of Language Teaching and Technology*, 12(2), 45-58.
- Channa, M. A., et al. (2018). Developing reading comprehension skills among university students. *International Journal of English Linguistics*, 8(5), 112-124.
- Dương Thị Huyền, Phạm Thị Thanh (2022). Khó khăn và chiến lược đọc hiểu tiếng Anh của sinh viên năm thứ nhất. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 18(6), 28-33.
- Grabe, W. (2009). *Reading in a second language: Moving from theory to practice*. Cambridge University Press.
- Hoàng Thị Thu, Phùng Thị Thu Hà (2019). Tác động của vốn từ vựng và kiến thức nền đến khả năng đọc hiểu của sinh viên. *Tạp chí Nghiên cứu Nước ngoài*, 35(4), 67-74.
- Huang, Y., & Li, X. (2023). Digital learning tools and personalized reading pathways in EFL contexts. *Educational Technology & Society*, 26(3), 115-128.
- Husztí, I., Fodor, K., & Hnatyk, K. (2025). Artificial intelligence as a personalized learning assistant in EFL reading. *Language Learning & Technology*, 29(1), 88-104.
- Khellab, F. (2022). Metacognitive reading strategies among first-year university students. *Journal of Academic Reading*, 10(1), 15-29.
- Nguyễn Thị Lan, Trần Thị Thanh Xuân (2023). Đánh giá thói quen đọc và động lực học tiếng Anh của sinh viên năm thứ nhất. *Tạp chí Nghiên cứu Nước ngoài, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội*, 39(2), 80-88.
- Tạ Thị Hải Vân, Vũ Thị Mai Quế, Từ Thị Thu Mai (2024). *Nghiên cứu thực tiễn ứng dụng công nghệ và đổi mới giảng dạy ngoại ngữ tại Trường Đại học Mở Hà Nội*. Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia, tr. 115-124.
- Trần Thanh Vân (2025). Ứng dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) trong cá nhân hóa dạy học kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*, 21(1), 102-109.